

QUYẾT ĐỊNH PHÚC THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

**V/v yêu cầu xác định phần quyền sở hữu tài sản,
phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Võ Hoàng Anh;

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Văn Toàn;
2. Ông Phạm Hùng Nuôi.

- Thư ký phiên họp: Ông Nguyễn Văn Út – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên họp: Bà Trần Hồng Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng mở phiên họp công khai việc dân sự thụ lý số 123/2019/TLPT-VDS, ngày 04/9/2019 về việc “*Yêu cầu xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án*”.

Do Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 08/2019/QĐST-VDS, ngày 20/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định mở phiên họp phúc thẩm giải quyết việc dân sự số: 188/2019/QĐPT-VDS ngày 09 tháng 9 năm 2019, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà A, sinh năm 1957.(có mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã H, huyện P, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà B, sinh năm 1961.(có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

2.1 Ông NLQ 1.(vắng mặt)

2.2 Bà NLQ 2.(có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp M, xã H, huyện P, tỉnh Sóc Trăng.

3. Người kháng cáo: Bà A, là người yêu cầu giải quyết việc dân sự.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung việc dân sự được tóm tắt như sau:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự bà A trình bày:

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 21/2015/DS-ST, ngày 28/7/2015 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Sóc Trăng, xét xử về việc tranh chấp hợp đồng góp hội giữa nguyên đơn bà A, bị đơn ông NLQ 1 và bà NLQ 2. Theo nội dung bản án, buộc ông NLQ 1 và bà NLQ 2 phải trả cho bà A tổng số tiền 71.800.000 đồng.

Trên cơ sở bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật nêu trên, ngày 12/10/2015 Chi cục thi hành án huyện P ra Quyết định thi hành án số 27/QĐ-CCTHA, số 29/QĐ-CCTHA đề Thi hành án. Trong quá trình Chi cục Thi hành án tiến hành giải quyết theo trình tự, thủ tục của pháp luật, qua xác minh điều kiện thi hành án, thì ông NLQ 1 và bà NLQ 2 có quản lý sử dụng tài sản thừa kế từ cha của ông NLQ 1 là ông C để lại sử dụng từ năm 1993 đến nay. Thửa đất số 702, diện tích 900m² và thửa 703, diện tích 700m², hai thửa đất nêu trên thuộc tờ bản đồ số 05, tọa lạc ấp M, xã H, huyện P. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất một căn nhà có diện tích 4,9m x 10m mái lợp tol kẽm, nền lót gạch men, vách tường được cất trên phần đất có diện tích 6.000m², thuộc thửa số 716, tờ bản đồ số 05, tọa lạc ấp M, xã H, huyện P. Từ khi bản án có hiệu lực thi hành án, Chi cục Thi hành án huyện P thụ lý giải quyết đã hơn 03 năm, tiến hành động viên để các bên thỏa thuận Thi hành án. Nhưng ông NLQ 1 và bà NLQ 2 không chịu trả số tiền còn thiếu cho bà A.

Nay bà A yêu cầu Tòa án giải quyết: Xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của ông NLQ 1 và bà NLQ 2 trong khối tài sản chung của hộ gia đình mà ông NLQ 1 và bà NLQ 2 đã sử dụng hơn 15 năm do cha mẹ chết để lại gồm 03 thửa đất gồm: Thửa đất số 702, diện tích 900m²; thửa 703, diện tích 700m² và thửa số 716 diện tích 6.000m², cùng tờ bản đồ số 05, tọa lạc ấp M, xã H, huyện P cùng với căn nhà số 186, tọa lạc ấp M, xã H, huyện P, tỉnh Sóc Trăng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông NLQ 1 và bà NLQ 2 thống nhất trình bày:

Đối với các thửa đất mà bà A yêu cầu, các phần đất này là của cha mẹ ruột ông NLQ 1 tên là ông C và bà D (ông C và bà D đã chết). Ông C và bà D có 06 người con bao gồm: ông NLQ 1, bà Q, bà W, bà R, bà E và bà T, các phần đất này đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C, hiện ông C vẫn còn đứng tên Giấy chứng nhận, các phần đất này chưa được phân chia. Đối với căn nhà tường, máy tol, nền lót gạch men là của vợ chồng ông NLQ 1 và bà NLQ 2 được chính quyền địa phương hỗ trợ cất, nhà này là nhà tình thương hiện đang cất trên phần đất của ông C, bà D không phải đất của ông NLQ 1 và bà NLQ 2. Vợ chồng ông NLQ 1 và bà NLQ 2 không có đất riêng, không có đứng tên trên nhà đất nào. Yêu cầu của bà A ông NLQ 1 và bà NLQ 2 đề nghị xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Sự việc được Tòa án nhân dân huyện P, thụ lý giải quyết như sau:

Căn cứ Điều 361, khoản 9 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm n khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 74, Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật thi hành án dân sự ngày 25/11/2014. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của bà A. Xác định: Nhà chính ngang 05m dài 10m, nhà cấp 4, xây tường, Mái lợp tol kẽm, nền lót gạch men, đòn tay kẽm và nhà phụ (cấp bên nhà chính) Ngang 04 m dài 10m, cửa chính, cửa sổ bằng gỗ lá xác, mặt trước xây tường, vách gỗ, máy lợp tol kẽm, đòn tay bằng gỗ, nền láng xi măng xây

dựng trên thửa đất 716, diện tích 6.000m², tờ bản đồ số 05, tọa lạc ấp M, xã H, huyện P, tỉnh Sóc Trăng là tài sản chung của ông NLQ 1 và bà NLQ 2.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà A về việc yêu cầu xác định phần quyền sử dụng đất của ông NLQ 1 và bà NLQ 2 tại các thửa đất số 702, diện tích 900m²; thửa 703, diện tích 700m² và thửa số 716 diện tích 6.000m², cùng tờ bản đồ số 05, tọa lạc ấp M, xã H, huyện P, tỉnh Sóc Trăng.

Ngoài ra quyết định còn tuyên về lệ phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

* Ngày 31/5/2019 bà A có đơn kháng cáo Quyết định giải quyết việc dân sự nêu trên, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét giải quyết thẩm định lại căn nhà chính và phụ trên thửa đất 716 và các thửa đất 702, thửa 703 và thửa 716 để xem xét yêu cầu của bà A theo quy định của pháp luật.

* Tại phiên họp phúc thẩm, nguyên đơn bà A không rút đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết việc dân sự.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết việc dân sự ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên họp phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm về nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người yêu cầu giải quyết việc dân sự và áp dụng điểm a, khoản 3 Điều 375 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, giữ nguyên quyết định giải quyết việc dân sự sơ thẩm số 08/2019/QĐST-VDS, ngày 20/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Hội đồng phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên họp phúc thẩm hôm nay, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông NLQ 1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2, nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 3 Điều 374 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng phiên họp tiến hành mở phiên họp vắng mặt ông NLQ 1

[2] Nội dung giải quyết việc dân sự: Bà A là người được Thi hành án, còn ông NLQ 1 và bà NLQ 2 là người phải thi hành án theo bản án số 21/2015/DS-ST, ngày 28/7/2015 của Tòa án nhân dân huyện P. Tuy nhiên, ông NLQ 1 và bà NLQ 2 không thực hiện nghĩa vụ trả tiền của mình. Nên Chi cục Thi hành án huyện P thụ lý vụ việc theo quy định pháp luật. Qua xác minh điều kiện thi hành án, thì ông NLQ 1 và bà NLQ 2 có quản lý sử dụng tài sản thừa kế từ cha của ông NLQ 1 là ông C bao gồm: thửa đất số 702, diện tích 900m² và thửa 703, diện tích 700m², thửa số 716 diện tích 6.000m², tờ bản đồ số 05, tọa lạc ấp M, xã H, huyện P và căn nhà trên đất. Ông NLQ 1 và bà NLQ 2 cho rằng các thửa đất 702, thửa 716 và thửa 703 là đất của cha mẹ đứng tên, đối với căn nhà tường là của vợ chồng ông NLQ 1 và bà NLQ 2 được chính quyền địa phương hỗ trợ cất, nhà này là nhà tình thương hiện đang cất trên phần đất của ông C, bà D không phải đất của ông NLQ 1 và bà NLQ 2. Đối với yêu cầu của bà A, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bà A thì thấy, khi Tòa án nhân dân huyện P tiến hành thụ lý giải quyết việc dân sự đối với yêu cầu của bà A, thì đồng thời Tòa án cũng thụ lý giải quyết việc dân sự theo yêu cầu của ông O. Theo đó người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong hai việc dân sự này đều là ông NLQ 1 và bà NLQ 2; Đối tượng tài sản yêu cầu phân chia quyền sử hữu, phân chia quyền sử dụng đất của người thi hành án trong hai việc dân sự cùng các tài sản là các thửa đất số 702, diện tích 900m² và thửa 703, diện tích 700m², thửa số 716 diện tích 6.000m², tờ bản đồ số 05, tọa lạc ấp M, xã H, huyện P và căn nhà trên đất thửa 716. Khi giải quyết việc dân sự theo yêu cầu của ông O, thì Tòa án cũng đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với các tài sản nêu trên vào ngày 01/4/2019. Sau khi có kết quả thẩm định, thì Tòa án sử dụng kết quả này cho việc giải quyết việc dân sự theo yêu cầu của bà A là đúng theo quy định tại khoản 6 Điều 94 và khoản 1 Điều 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nên việc bà A cho rằng, khi thụ lý giải quyết việc dân sự theo yêu cầu của bà thì Tòa án không tiến hành thẩm định tài sản yêu cầu là không đúng, cấp sơ thẩm đã thẩm định tài sản này rồi, và bà A không chứng minh được cấp sơ thẩm có vi phạm trong việc thẩm định tài sản này, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà A.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án, qua xác minh thì các thửa đất số 702, diện tích 900m² và thửa 703, diện tích 700m², thửa số 716 diện tích 6.000m², tờ bản đồ số 05, tọa lạc ấp M, xã H, huyện P mặt dù ông NLQ 1 và bà NLQ 2 đang quản lý sử dụng, nhưng người đứng tên trong quyền sử dụng đất từ trước cho đến nay là cha của ông NLQ 1 là ông C, sinh thời ông C được 06 người con bao gồm: ông NLQ 1, bà Q, bà W, bà R, bà E và bà T. Ông C và bà D đã chết nên các thửa đất này là di sản thừa kế của ông C và bà D chết để lại và chưa được phân chia. Do các thửa đất này chưa được phân chia nên không thể xác định ông NLQ 1, bà NLQ 2 có quyền sử dụng đất đối với các thửa đất này hay không, nếu được chia thừa kế thì chia với diện tích bao nhiêu và chia thửa đất nào. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà A đối với 03 thửa đất 702, thửa 703 và thửa 716 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[5] Việc bà A đề nghị cấp phúc thẩm định giá lại căn nhà chính và nhà phụ được cất trên thửa đất 716, tờ bản đồ số 05, tọa lạc ấp M, xã H, huyện P. Xét thấy, việc định giá tài sản để yêu cầu Thi hành án nằm trong giai đoạn Thi hành án, do cơ quan Thi hành án thực hiện để thi hành án. Bà A chỉ yêu cầu giải quyết việc dân sự về việc “*Yêu cầu xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án*”, Như vậy Tòa án cũng đã xác định căn nhà chính và phụ này là tài sản riêng của ông NLQ 1 và bà NLQ 2 là đúng theo yêu cầu của bà A. Do đó, kháng cáo này của bà A cũng không có căn cứ chấp nhận

[6] Đối với phần căn nhà cấp 4 diện tích 5m x 10m, kết cấu mái lợp tol kẽm, nền lót xi măng, vách tường 10 được xây dựng trên thửa đất 716. Do chính ông NLQ 1 và bà NLQ 2 thừa nhận căn nhà này là tài sản chung của vợ chồng, nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu này của bà A là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[7] Ngoài tài sản chung giữa ông NLQ 1 và bà NLQ 2 là căn nhà ra, thì Tòa án cấp sơ thẩm xác định vợ chồng ông NLQ 1 và bà NLQ 2 không còn tài sản đồng sở hữu nào khác. Đối với 03 thửa đất 702, thửa 703 và thửa 716 là tài sản của cha mẹ ông NLQ 1, không phải là tài sản đồng sở hữu của ông NLQ 1 và bà NLQ 2.

[8] Đối với các yêu cầu của bà A yêu cầu xác định các tài sản khác như bò, xe của ông NLQ 1 và bà NLQ 2 để thi hành án. Nhận thấy, đối với những tài sản này chưa được giai đoạn cấp sơ thẩm xem xét, do đó chưa có căn cứ xem xét. Trường hợp nếu bên được thi hành án phát hiện bên phải thi hành án có tài sản khác thì được thực hiện quyền của mình theo Luật thi hành án dân sự.

[9] Từ những phân tích trên, xét kháng cáo của bà A là không có căn cứ, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[10] Tuyên nhiên, tại phần quyết định của cấp sơ thẩm đã quyết định như sau: *“Chấp nhận một phần yêu cầu của bà A. Xác định: Nhà chính ngang 05m dài 10m, nhà cấp 4, xây tường, mái lợp tol kẽm, nền lót gạch men, đòn tay kẽm và nhà phụ (cặp bên nhà chính) Ngang 04 m dài 10m, cửa chính, cửa sổ bằng gỗ lá xách, mặt trước xây tường, vách gỗ, máy lợp tol kẽm, đòn tay bằng gỗ, nền láng xi măng xây dựng trên thửa đất 716, diện tích 6.000m², thuộc tờ bản đồ số 05, tọa lạc ấp M, xã H, huyện P, tỉnh Sóc Trăng là tài sản chung của ông NLQ 1 và bà NLQ 2”*. Nhận thấy, việc cấp sơ thẩm quyết định như nêu trên chưa nêu rõ phần yêu cầu của bà A được chấp nhận, dễ gây nhầm lẫn, nên cấp phúc thẩm điều chỉnh lại như sau: *“Chấp nhận một phần yêu cầu của bà A. Xác định: Nhà chính ngang 05m dài 10m, nhà cấp 4, xây tường, mái lợp tol kẽm, nền lót gạch men, đòn tay kẽm và nhà phụ (cặp bên nhà chính) Ngang 04 m dài 10m, cửa chính, cửa sổ bằng gỗ lá xách, mặt trước xây tường, vách gỗ, máy lợp tol kẽm, đòn tay bằng gỗ, nền láng xi măng là tài sản chung của ông NLQ 1 và bà NLQ 2 được xây dựng trên thửa đất 716, diện tích 6.000m², thuộc tờ bản đồ số 05, tọa lạc ấp M, xã H, huyện P, tỉnh Sóc Trăng thuộc quyền sử dụng đất của ông C và bà D”*

[11] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Về lệ phí việc dân sự phúc thẩm: Bà A phải chịu là 300.000 đồng, do bà A là người cao tuổi nên được miễn nộp theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà A được nhận lại số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0009285, ngày 06/8/2019 của Chi cục Thi hành án huyện P.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ căn cứ điểm a, khoản 3 Điều 375 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1./ Không chấp nhận kháng cáo của người yêu cầu giải quyết việc dân sự bà A.

2./ Giữ nguyên Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 08/2019/QĐST-VDS, ngày 20/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Sóc Trăng như sau:

Căn cứ Điều 361, khoản 9 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm n khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 74, Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật thi hành án dân sự ngày 25/11/2014. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326

ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của bà A. Xác định: Nhà chính ngang 05m dài 10m, nhà cấp 4, xây tường, mái lợp tol kẽm, nền lót gạch men, đòn tay kẽm và nhà phụ (cấp bên nhà chính) Ngang 04 m dài 10m, cửa chính, cửa sổ bằng gỗ lá xách, mặt trước xây tường, vách gỗ, máy lợp tol kẽm, đòn tay bằng gỗ, nền láng xi măng là tài sản chung của ông NLQ 1 và bà NLQ 2, được xây dựng trên thửa đất 716, diện tích 6.000m², thuộc tờ bản đồ số 05, tọa lạc ấp M, xã H, huyện P, tỉnh Sóc Trăng thuộc quyền sử dụng đất của ông C và bà D.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà A về việc yêu cầu xác định phân quyền sử dụng đất của ông NLQ 1 và bà NLQ 2 tại các thửa đất: Số 702, diện tích 900m²; số 703, diện tích 700m²; số 716 diện tích 6.000m², các thửa đất này thuộc tờ bản đồ số 05, tọa lạc ấp M, xã H, huyện P, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về lệ phí việc dân sự: Bà A không phải chịu lệ phí việc dân sự. Hoàn trả cho bà A số tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0006971, ngày 13/02/2019 của Chi cục Thi hành án huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

3./ Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà A không phải chịu, Bà A được nhận lại số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0009285, ngày 06/8/2019 của Chi cục Thi hành án huyện P, tỉnh Sóc Trăng.

4./ Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện P;
- Chi cục huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu HS (TDS).

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Võ Hoàng Anh